

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **156/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/9/2025
V/v Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh Y
với anh Nguyễn Quang S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Lý.
- Ông Trần Văn Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1995; số định danh cá nhân 046195013807; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã P, thành phố H; nay là: Tổ dân phố A, phường P, thành phố H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang S, sinh năm 1992; số định danh cá nhân: 046092012129; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã P, thành phố H; nay là: Tổ dân phố A, phường P, thành phố H; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh Y trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Quang S quen biết nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/11/2017 tại

Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống, đăng ký thường trú chung ở nhà cha, mẹ đẻ của anh S.

Lý do yêu cầu ly hôn là quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, anh S có biểu hiện không chung thủy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là một chiếc xe ô tô tải ben, biển kiểm soát 75C - 128.91 trị giá 200.000.000 đồng và yêu cầu chia cho chị được hưởng 60% giá trị. Nghĩa vụ về tài sản không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Quang S trong thời hạn quy định không nộp hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú, điều kiện sinh sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng và tài sản như sau: Tại địa phương không xác định được nguyên nhân, mức độ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị Minh Y và anh Nguyễn Quang S do không ai thông tin, phản ánh gì. Qua tìm hiểu, nắm thông tin theo chỉ đạo của chính quyền sau khi có đề nghị của Tòa án thì trên thực tế chị Y và anh S đã không còn chung sống. Hiện tại, anh S cư trú và ở chung tại nhà của cha, mẹ đẻ là ông Nguyễn Quang L và bà Nguyễn Thị Nguyệt T; anh S đang làm nghề lái xe thuê ở địa phương, không có sử dụng chiếc xe ô tô tải ben, biển kiểm soát 75C - 128.91.

Ngày 28/8/2025, chị Nguyễn Thị Minh Y có đơn rút phần yêu cầu chia tài sản.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập anh Nguyễn Quang S đến trình bày ý kiến, yêu cầu và tham gia hoà giải nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 10/9/2025, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên toà lần thứ nhất vào ngày 20/9/2025 nhưng anh Nguyễn Quang S vắng mặt nên đã hoãn phiên toà. Ngày 20/9/2025, chị Nguyễn Thị Minh Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngày 22/9/2025, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai vào ngày 27/9/2025 nhưng anh S tiếp tục vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần vắng mặt là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa,

nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Minh Y và anh Nguyễn Quang S kết hôn hợp pháp; vợ chồng không có con chung.

Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận cho chị Y ly hôn anh S; về con chung không có nên không xem xét; về tài sản đã rút yêu cầu nên đề nghị đình chỉ giải quyết; buộc chị Y chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn thị xã P, thành phố H (nay là phường P, thành phố H). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Phong Điền thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền loại việc, thẩm quyền theo cấp xét xử và thẩm quyền theo lãnh thổ.

Từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế kế thừa quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tòa án nhân dân thị xã Phong Điền. Căn cứ vào Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 10 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, việc giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Y và anh Nguyễn Quang S tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/11/2017. Thời điểm đăng ký, cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh Y; kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn, nguyện vọng của vợ, chồng thấy rằng:

Chị Y yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng không có con chung, anh S có biểu hiện không chung thủy và vợ chồng đã không chung sống. Xét thấy chị Y cho rằng anh S không chung thủy chỉ là lời khai một phía, không có cơ sở xác thực. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống từ năm 2017 đến nay không có con chung và đã không còn chung sống, phù hợp kết quả xác minh. Mặt khác, quá trình tố tụng, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh S để trình bày ý kiến và tham gia hoà giải nhưng anh S vắng mặt là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ trình bày ý kiến, tranh luận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Chứng tỏ anh S bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn; không có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho chị Y ly hôn.

[4] Về con: Chị Nguyễn Thị Minh Y và anh Nguyễn Quang S không có con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[8] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 6, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn.
2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh Y và anh Nguyễn Quang S; quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.
3. Về con: Vợ chồng không con chung.
4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh Y phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0002876 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phong Điền (nay thuộc Thi hành án dân sự thành phố H); hoàn trả lại cho chị Y số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Trường